

Số: /STP-XDPBPL
V/v hướng dẫn quy trình xây dựng, tham mưu
ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của
Hội đồng nhân dân tỉnh

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Luật*); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Luật sửa đổi*); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*viết tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

Ngày 18/6/2020, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) (*viết tắt là Luật sửa đổi*) theo đó trình tự, thủ tục về xây dựng nghị quyết quy định nội dung tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có một số thay đổi. Để đảm bảo cho công tác xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng quy định, Sở Tư pháp hướng dẫn cụ thể quy trình xây dựng, tham mưu Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Văn bản này chỉ tập trung hướng dẫn các nội dung liên quan đến trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

A. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG TẠI KHOẢN 1, 2, 3 ĐIỀU 27 LUẬT

Căn cứ điểm b khoản 32 Luật sửa đổi quy định “*Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này thì trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân phải thực hiện theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 của Luật này.*”

Như vậy trình tự, thủ tục quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật sẽ **không áp dụng** cho quy trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 27 Luật, gồm nghị quyết đề quy định:

“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”

Theo đó, Nghị quyết quy định các nội dung này sẽ thực hiện theo quy định từ Điều 117 đến Điều 122 cụ thể như sau:

1. Trình đề nghị xây dựng nghị quyết (Điều 117 Luật được sửa đổi tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi).

Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

(i) Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết (*Mẫu số 02 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

(ii) Tài liệu khác (nếu có).

(Đối với nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình, cơ quan được giao chủ trì xây dựng nghị quyết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh)

2. Tổ chức chủ trì soạn thảo nghị quyết (Điều 119 Luật được sửa đổi tại khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi)

(i) Sau khi đề nghị xây dựng nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất (chấp thuận), cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết. Đối với nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thì phải bảo đảm phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật đã giao quy định chi tiết

Riêng đối với nghị quyết có nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 Luật thực hiện đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi (bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 119 Luật) - Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

(ii) Về hình thức của nghị quyết: Áp dụng các mẫu tại phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (*mẫu số 16-Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định trực tiếp; mẫu số 17 - Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định/Quy chế...; mẫu số 36 - Nghị quyết của HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)*).

3. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết (Điều 120 Luật)

(i) Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng UBND tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý.

(ii) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định, tập trung những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản (*thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản giấy, phiếu khảo sát, hội nghị, tổ chức họp...*).

* **Lưu ý:** Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết lưu ý đối với thủ tục lấy ý kiến và việc tham gia góp ý, thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về dự thảo nghị quyết.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phản biện xã hội được thực hiện trong thời gian cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến về dự thảo văn bản. Ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết phải được nghiên cứu, giải trình, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định.

4. Thẩm định dự thảo nghị quyết (Điều 121 Luật được sửa đổi tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi)

Dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình phải được Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*Sở Tư pháp không thực hiện thủ tục thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình*)

Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định gồm:

(i) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết.

(ii) Dự thảo nghị quyết.

(iii) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật.

(iv) Tài liệu khác (nếu có).

(Đối với dự thảo nghị quyết đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm văn bản phản biện xã hội theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi).

(Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Dự thảo nghị quyết được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử).

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết (Điều 122 Luật sửa đổi và khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi)

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- (i) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo nghị quyết.
- (ii) Dự thảo nghị quyết.
- (iii) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
- (iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật.
- (v) Tài liệu khác (nếu có) *như văn bản phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết có thực hiện phản biện xã hội.*

(Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Dự thảo nghị quyết được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử).

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự thảo nghị quyết (Điều 123 Luật)

(i) Đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân tỉnh.

(ii) Đối với dự thảo nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến bằng văn bản.

(Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh)

7. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết (Điều 124 Luật và khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi)

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để tiến hành thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

- (i) Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết.
- (ii) Dự thảo nghị quyết.
- (iii) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo

cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình.

(iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật.

(v) Tài liệu khác (nếu có) *như văn bản phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết có thực hiện phản biện xã hội.*

(Tài liệu quy tại các điểm i, ii, iii được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

Đối với nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo kiểm tra, rà soát hồ sơ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đầy đủ hồ sơ nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh).

B. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 27 LUẬT

Căn cứ điểm b khoản 32 Luật sửa đổi, thì hiện nay chỉ có nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (khoản 4 Điều 27 Luật) trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết phải thực hiện quy trình quy định từ Điều 112 đến Điều 116 của Luật. Do đó, đối với trường hợp này thì trình tự, thủ tục xây dựng, tham mưu ban hành nghị quyết không thay đổi so với quy định trước đây, cụ thể:

Sau khi xác định được nội dung nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định biện pháp có tính chất đặc thù để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

I. Thực hiện quy trình trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết

1. Xây dựng nội dung nghị quyết (nội dung quy định chính sách)

Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết (cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết/ cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì soạn thảo nghị quyết) có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Điều 112 của Luật:

(i) Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo nghị quyết.

Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến dự thảo nghị quyết.

(ii) *Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết và thực hiện đánh giá tác động của chính sách*

Xây dựng nội dung chính sách theo mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (đối với cơ quan trình nghị quyết là Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách). Tác động của chính sách được đánh giá theo các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế;

- Tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

- Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.”.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách;

- Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết và lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết (Điều 113, 115 Luật, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi và Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

(i) *Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết:*

- Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

- Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết. Khi lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của

dự thảo nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý.

- Lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

- Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến;

- Trong trường hợp cần thiết cơ quan xây dựng đề nghị xây dựng nghị quyết tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị quyết.

- Nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết. Báo cáo giải trình, tiếp thu phải được đăng tải cùng với các tài liệu khác trong hồ sơ xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo.

(ii) Xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh

Sau khi tổ chức đánh giá tác động của chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết bao gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết (*Mẫu số 02 – Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

- Báo cáo đánh giá tác động chính sách (*Mẫu số 01 – Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý;

- Đề cương dự thảo nghị quyết (*Mẫu số 07 - Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

- Tài liệu khác (nếu có).

3. Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết (Điều 115 Luật)

Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.

- Hồ sơ gửi đề nghị thẩm định là hồ sơ cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng tại khoản 2 mục này.

- Thời hạn thẩm định: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

4. Thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết (Điều 116 Luật và khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi)

(i) Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

- Là hồ sơ cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng tại khoản 2 mục này (các dự thảo đã được tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp)

- Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.”.

(Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ)

(ii) Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị thì Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có trách nhiệm thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

5. Trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết (khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi)

Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gồm:

(i) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;

(ii) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết;

(iii) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;

(iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý;

(v) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp;

(vi) Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền.

(vii) Đề cương dự thảo nghị quyết.

(viii) Tài liệu khác (nếu có).

(Đối với nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh trình, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo kiểm tra, rà soát hồ sơ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

II. Thực hiện quy trình sau khi có ý kiến chấp thuận (thống nhất) của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đề nghị xây dựng nghị quyết

Sau khi được Thường trực hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết và phân công soạn thảo thì cơ quan, tổ chức được phân công chủ trì soạn thảo nghị quyết phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình từ Điều 119 đến Điều 124 Luật theo hướng dẫn tại phần A Văn bản này.

** Để chủ động cho đơn vị mình thực hiện tham mưu soạn thảo nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị các đơn vị nghiên cứu thêm Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.*

Trên đây là hướng dẫn quy trình xây dựng, tham mưu ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn bản này thay thế Văn bản số 157/STP-XDKTVB ngày 25/01/2017 của Sở Tư pháp về hướng dẫn cụ thể một số nội dung về quy trình ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Tư pháp thông báo đến các cơ quan, đơn vị phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Ban – HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, XDPBPL.

(Bình-HD)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Quang Tuấn